**ĐỀ CƯƠNG**

**BÁO CÁO TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM**

**Yêu cầu chung đối với việc báo cáo:**

Việc báo cáo cần thực hiện theo các chức năng và nhiệm vụ chính được phân công, quy định trách nhiệm thực hiện tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010 cho bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp, trong đó cần làm rõ thông tin, đánh giá về các vấn đề:

*1.* ***Đánh giá mức độ triển khai các nhiệm vụ chính được phân công*** *trong* Luật An toàn thực phẩm *cho bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp.*

*2.* ***Các phần việc, trách nhiệm, nghĩa vụ/kết quả đã thực hiện, hoàn thành****; đánh giá mức độ triển khai, trong đó nêu các thuận lợi của việc triển khai, nếu có.*

*3. Các khó khăn, tồn tại, vướng mắc, bất cập của việc triển khai, nếu có,* ***trong đó nêu rõ các nhiệm vụ, công việc chưa hoàn thành****.*

*4. Nêu rõ* ***nguyên nhân chủ quan****, khách quan dẫn đến các khó khăn, tồn tại, vướng mắc, bất cập của việc triển khai, nếu có.*

*5.* ***Các kiến nghị, đề xuất giải pháp lớn*** *của Bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp nhằm triển khai tốt hơn* Luật An toàn thực phẩm *hoặc các kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung tại* Luật An toàn thực phẩm*.*

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LUẬT AN TOÀN THỰC PHẨM**

**I. TỔNG QUAN PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

**A. Pháp luật Việt Nam**

**1. Kết quả Việt Nam đạt được**

a) Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn thi hành

b) Các văn bản có liên quan tác động đến quy định của Luật An toàn thực phẩm.

**B. Pháp luật quốc tế**

Đánh giá cụ thể về sự phù hợp/chưa phù hợp của pháp luật Việt Nam với các quy định quốc tế trong lĩnh vực ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

**II. THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

**1. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền của Chính phủ, các bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn thi hành Luật**

**ATTP**

a) Số lượng, loại văn bản đã ban hành

b) Đánh giá:

- Tính đồng bộ, khả thi, hội nhập quốc tế của các văn bản đã ban hành.

- Tiến độ ban hành văn bản.

- Chất lượng văn bản, tính khả thi.

- Những quy định chồng chéo, không còn phù hợp, còn thiếu,…cần sửa đổi, bổ sung.

**2. Việc xây dựng, ban hành, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm và các quy định kỹ thuật để quản lý.**

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đánh giá về tình hình công bố sản phẩm, công bố hợp quy đối với đối tượng thực phẩm tại nội dung quy định về quản lý trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**III. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN LUẬT ATTP**

1. Công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện Luật ATTP của Chính phủ, bộ ngành, Ủy ban nhân dân các cấp

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

2. Tổ chức, kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý ATTP ở trung ương, cơ quan chuyên môn về quản lý ATTP ở địa phương (tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, nhân lực)

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

3. Về bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho công tác ATTP; tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức kiểm nghiệm, kiểm định thực phẩm; nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

4. Về đầu tư ngân sách cho công tác quản lý ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

5. Thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính phủ, các bộ, ngành, UBND các cấp (các hoạt động triển khai thực hiện)

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

6. Công tác phối hợp liên ngành về quản lý ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

7. Đánh giá quy định về Chính sách của nhà nước về an toàn thực phẩm

a) Kết quả đạt được

c) Đề xuất sửa đổi

8. Quy định về quản lý ATTP đối với vật liệu bao gói, bao bì chứa đựng thực phẩm.

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

9. Quy định về quản lý ATTP trong xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**II. VIỆC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP, GIẤY TIẾP NHẬN BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY; QUẢN LÝ ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP.**

1. Việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Việc cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

3. Việc quản lý đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**III. QUẢN LÝ THỰC PHẨM NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU**

1. Công tác quản lý đối với thực phẩm nhập khẩu và thực phẩm xuất khẩu

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**IV. CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM; CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM.**

1. Việc nâng cao kiến thức và thực hành về ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Việc giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

3. Quản lý thông tin, quảng cáo ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**V. QUY ĐỊNH VỀ GHI NHÃN THỰC PHẨM**

1. Quy định về ghi nhãn thực phẩm

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**VI. KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM, NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN QUA THỰC PHẨM, PHÂN TÍCH NGUY CƠ ĐỐI VỚI ATTP, PHÒNG NGỪA, NGĂN CHẶN VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ VỀ ATTP.**

1. Công tác kiểm nghiệm thực phẩm

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Tình hình ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

3. Công tác phân tích nguy cơ đối với ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

4. Công tác phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**VII. TRUY XUẤT NGUỒN GỐC, THU HỒI VÀ XỬ LÝ ĐỐI VỚI THỰC PHẨM KHÔNG BẢO ĐẢM AN TOÀN**

1. Công tác truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn.

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Công tác thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không đảm bảo an toàn

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**VIII. THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

1. Về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

2. Về xử lý hình sự

a) Kết quả đạt được

b) Tồn tại

c) Đề xuất sửa đổi

**IX. PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH TRONG QUẢN LÝ ATTP**

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại

**Phần thứ 3**

**KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT**

**QUẢ THỰC HIỆN VÀ CÁC GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ**

**I. KẾT LUẬN, ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Kết luận, đánh giá về Luật an toàn thực phẩm

1.1. Kết quả đạt được

1.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

1.3. Nguyên nhân

2. Đánh giá và đề xuất giải pháp tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về ATTP

**II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP**

1. Đối với Quốc hội

2. Đối với Chính phủ

3. Kiến nghị các Bộ, ngành

4. Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

5. Đề nghị đối với các doanh nghiệp, hiệp hội

*(Tập trung vào 05 nhóm vấn đề: (1) sửa đổi một số quy định quản lý, (2) tổ chức bộ máy quản lý (2) phân công trách nhiệm các cơ quan quản lý; (3) nguồn lực đầu tư; (4) cơ chế chính sách quản lý, giám sát việc thực hiện; (5) xã hội hóa trong quản lý ATTP)*

**Phụ lục 1**

**HỆ THỐNG VĂN BẢN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT**

**VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM DO CÁC CƠ QUAN BAN HÀNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số ký hiệu văn bản** | **Ngày ban hành** | **Trích yếu nội dung** |
| **VĂN BẢN DO CÁC CƠ QUAN ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Phụ lục 2**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ATTP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **2011** | **2012** | **…** | **2021** |
| Cơ sở sản xuất | Cơ sở kinh doanh | Cơ sở sản xuất | Cơ sở kinh doanh | … | Cơ sở sản xuất | Cơ sở kinh doanh |
| Cấp quản lý | Nhóm sản phẩm thực phẩm quản lý |  |  |  |  | … |  |  |
| Trung ương | 1… |  |  |  |  | … |  |  |
| 2… |  |  |  |  | … |  |  |
| 3… |  |  |  |  | … |  |  |
| Địa phương | 1… |  |  |  |  | … |  |  |
| 2… |  |  |  |  | … |  |  |
| 3… |  |  |  |  | … |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 3**

**HỆ THỐNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Tổng số** | **Số phòng kiểm nghiệm đạt ISO 17025** | **Số phòng kiểm nghiệm được chỉ định phục vụ QLNN** | **Số phòng kiểm nghiệm xã hội hóa được chỉ định phục vụ QLNN** |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |

**Phụ lục 4**

**CÔNG TÁC THÔNG TIN, GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG VỀ ATTP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Hội thảo, tập huấn, đào tạo, cuộc thi** | **Phát thanh** | **Truyền hình** | **Báo** | **Đội tuyên truyền cơ động** | **Poster, áp phích** | **Băng rôn, khẩu hiệu** | **Tờ rơi/ tờ gấp** | **Thông điệp** | **Tài liệu khác** |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 5**

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUẢNG CÁO THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Thực phẩm chức năng/****thực phẩm bảo vệ sức khỏe** | **Thực phẩm khác** |
| **Cấp** | **Thu hồi** | **Cấp** | **Thu hồi** |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |

**Phụ lục 6**

**THỐNG KÊ VỀ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Số vụ NĐTP** | **Số ca mắc** | **Số ca tử vong** | **Số vụ ≥ 30 ca mắc** | **Tỷ lệ ca NĐTP/ 100.000 dân** |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 7**

**THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ATTP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm | Số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra | Số cơ sở được thanh tra, kiểm tra | Số cơ sở vi phạm | Số cơ sở bị xử phạt nhưng chậm nộp phạt | Số cơ sở bị phạt tiền | Số tiền phạt (triệu đồng) |
| Vi phạm quảng cáo | Vi phạm ghi nhãn | Vi phạm điều kiện ATTP | Vi phạm khác |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(\* Các nội dung khác: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận (tước Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, tước Giấy tiếp nhận đăng ký công bố, tước Giấy xác nhận nội dung quảng cáo); đình chỉ hoạt động; tịch thu tang vật; buộc thu hồi; buộc tiêu hủy; thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP; chuyển cơ quan điều tra; khác v.v…)

**Phụ lục 8**

**NHÂN LỰC LÀM CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Cấp Trung ương** | **Cấp tỉnh** | **Cấp huyện** | **Cấp xã** |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |

**Phụ lục 9**

**KINH PHÍ ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*(Đơn vị: Triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Năm** | **Nguồn kinh phí trung ương** | **Nguồn kinh phí địa phương** | **Nguồn kinh phí khác** | **Tổng kinh phí** |
| Chi thường xuyên | Chương trình mục tiêu quốc gia | Chi thường xuyên | Chương trình mục tiêu quốc gia |
| Thanh tra, kiểm tra | đầu tư cơ sở vật chất | Thanh tra, kiểm tra | đầu tư cơ sở vật chất | Thanh tra, kiểm tra | đầu tư cơ sở vật chất | Thanh tra, kiểm tra | đầu tư cơ sở vật chất |
| 1 | 2011 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 2012 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 2013 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 2014 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 2015 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 2016 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | 2017 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 2018 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 2019 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 2020 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 2021 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |